

- | | |
|---|--|
| 1. TCVN 7247: 2003
(CODEX STAN 106 - 1983) | Thực phẩm chiếu xạ - yêu cầu chung |
| 2. TCVN 7248: 2003
(ISO 15554: 1998) | Tiêu chuẩn thực hành đo liều áp dụng cho thiết bị chiếu xạ gamma dùng để xử lý thực phẩm |
| 3. TCVN 7249: 2003
(ISO 15562: 1998) | Tiêu chuẩn thực hành đo liều áp dụng cho thiết bị chiếu xạ chùm tia electron và bức xạ hãm (bremsstrahlung) dùng để xử lý thực phẩm |
| 4. TCVN 7250: 2003
CAC/RCP 19-1979
(REV 1-1983) | Quy phạm vận hành thiết bị chiếu xạ xử lý thực phẩm |
| 5. TCVN 3171: 2003
(ASTM D 445 - 97) | Sản phẩm dầu mỡ lỏng trong suốt và không trong suốt - Phương pháp xác định độ nhớt động học (tính toán độ nhớt động lực)
(Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 3171:1995) |
| 6. TCVN 7272: 2003
(ASTM D 3948 - 99a) | Nhiên liệu tước bin hàng không - Phương pháp xác định trị số tách nước bằng máy đo độ tách nước xách tay (Separometer) |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
Thủ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

BỘ NỘI VỤ

thứ y Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
số 44/2003/QĐ-BNV ngày 06/8/2003
về việc phê duyệt bản Điều lệ
(sửa đổi) của Hội Khoa học kỹ
thuật thú y Việt Nam.**

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Khoa học kỹ thuật thú y Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III ngày 10 tháng 4 năm 2003 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật thú y Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật

KT. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Thủ trưởng

ĐẶNG QUỐC TIẾN

9669923

ĐIỀU LỆ Hội Thú y Việt Nam.

Chương I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 1. Hội lấy tên là Hội Khoa học kỹ thuật thú y Việt Nam, gọi tắt là Hội Thú y Việt Nam, tên giao dịch quốc tế là VIVA (Vietnam Veterinary Associate). Hội Thú y Việt Nam là một tổ chức xã hội nghề nghiệp tự nguyện của các tập thể và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thú y.

Điều 2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết các tập thể và cá nhân những người hoạt động về khoa học công nghệ, đào tạo, quản lý và dịch vụ chuyên ngành thú y, nhằm nâng cao trình độ, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bảo vệ sức khỏe cho con người và môi trường sinh thái.

Điều 3. Hội Thú y Việt Nam hoạt động trong phạm vi toàn quốc, là Hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Hội có tư cách pháp nhân, cơ quan ngôn luận, con dấu, tài khoản riêng tại Ngân hàng Việt Nam.

Trụ sở của Hội đặt tại Hà Nội và có Văn phòng đại diện tại một số địa phương.

Điều 4. Hội Thú y Việt Nam có các nhiệm vụ sau đây:

1. Phổ biến kiến thức, tham gia nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về thú y vào sản xuất, tham gia đào tạo cán bộ thú y. Khuyến khích hội viên nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao nghiệp vụ chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.

2. Tổ chức các hội nghị chuyên đề, sinh hoạt học thuật, hội thảo, tập huấn, huấn luyện chuyên môn và tham quan, khảo sát nhằm nâng cao kỹ năng tay nghề, trình độ khoa học nghiệp vụ cho hội viên. Tổ chức dịch vụ thú y bảo vệ vật nuôi, trong toàn quốc.

3. Tư vấn, phản biện và giám định cho các cơ quan nhà nước về các văn bản quy phạm pháp luật, về chủ trương chính sách và dự án phát triển công tác thú y và đề tài công trình nghiên cứu, giáo trình đại học, trên đại học về chuyên ngành thú y.

4. Tuyên truyền phổ biến kiến thức về lĩnh vực thú y, tổ chức xuất bản Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y và các ấn phẩm khác thuộc chuyên ngành thú y theo quy định của pháp luật.

5. Hợp tác chặt chẽ với các tổ chức khoa học kỹ thuật trong nước để trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động khoa học kỹ thuật.

6. Hợp tác với Hiệp hội các Hội Thú y Châu Á (FAVA) và các tổ chức Thú y nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương II

HỘI VIÊN

Điều 5. Công dân Việt Nam đang hoạt động chuyên ngành thú y và những ngành nghề có liên quan tới lĩnh vực thú y, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia công tác Hội hay ủng hộ Hội, đều có thể xin gia nhập Hội.

Những người có công đóng góp lớn cho Hội, có thể được kết nạp là hội viên danh dự hoặc hội viên tán trợ.

Hội viên danh dự, hội viên tán trợ không được ứng cử, đề cử vào Ban lãnh đạo hội và không được biểu quyết các vấn đề của hội.

Điều 6. Hội viên có các nhiệm vụ sau đây:

1. Tôn trọng Điều lệ Hội, thi hành nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Hội và tích cực hoạt động trong tổ chức cơ sở của Hội.

2. Tuyên truyền phát triển hội viên mới tham gia sinh hoạt và đóng hội phí theo quy định của Hội.

3. Phổ biến các kiến thức và kinh nghiệm về chuyên ngành thú y, tuyên truyền nghề nghiệp, tham gia làm tư vấn, phản biện và giám định các công trình nghiên cứu, các dự án phát triển sản xuất về thú y.

Điều 7. Hội viên có các quyền lợi:

1. Được tham gia các hoạt động của Hội.

2. Được Hội giúp đỡ bồi dưỡng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật chăn nuôi thú y. Được giúp đỡ thực hiện những sáng kiến, phát minh, những công trình nghiên cứu, sản xuất theo khả năng của Hội. Được tham dự các hội nghị, hội thảo, trình diễn kỹ thuật, tham quan khảo sát, học tập ở trong và ngoài nước do Hội tổ chức.

3. Có quyền ứng cử, bầu cử vào Ban chấp hành các cấp của Hội, có quyền thảo luận, biểu quyết, chất vấn phê bình công tác của Hội.

4. Được đề nghị Hội giúp đỡ các mặt sau:

- Chủ trì các hợp đồng liên kết kinh tế kỹ thuật thú y với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.

- Phản biện cho các công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành thú y để báo cáo tại các hội nghị trong và ngoài nước hoặc bảo vệ các học vị Bác sĩ thú y, Thạc sĩ và Tiến sĩ thú y.

- Tư vấn cho các vấn đề về chuyên môn chăn nuôi thú y và xây dựng các bệnh xá thú y dân lập.

- Phổ biến các kết quả nghiên cứu hoặc triển khai ứng dụng kỹ thuật mới ra diện rộng.

- Được tự nguyện xin ra khỏi Hội.

*Chương III***TỔ CHỨC HỘI**

Điều 8. Tổ chức và hoạt động của Hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí. Tổ chức của Hội bao gồm:

1. Ở Trung ương: Hội Thú y Việt Nam.

2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (sau đây gọi chung là tỉnh) Hội Thú y tỉnh.

3. Ở cơ sở: Chi hội; các tổ chức cơ sở có từ 5 hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội.

Ở tỉnh nếu có nhu cầu thì thành lập Hội Thú y tỉnh. Việc thành lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật. Hội ở tỉnh tán thành điều lệ Hội Thú y Việt Nam, làm đơn xin gia nhập thì được công nhận là Hội thành viên.

Điều 9. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Thú y Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 1/2 số ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội yêu cầu. Thành phần, số lượng đại biểu dự đại hội do Ban chấp hành đương nhiệm của Trung ương Hội quy định.

Nhiệm vụ của Đại hội:

- Tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ đã qua, bàn phương hướng, kế hoạch hành động của nhiệm kỳ mới.

- Thông qua, sửa đổi Điều lệ (nếu có).

- Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Trung ương Hội.

- Quyết định những vấn đề có liên quan nhằm phát triển Hội.

Điều 10. Ban chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ đại hội. Số lượng

ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội do Đại hội ấn định và trực tiếp bầu.

Ban chấp hành có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội.
- Lãnh đạo thực hiện Điều lệ của Hội.
- Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội.
- Theo dõi hoạt động các Hội cấp tỉnh, và các Tiểu ban chuyên môn.
- Bầu Ban Thường vụ Trung ương Hội và Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký.
- Ban chấp hành Trung ương Hội họp định kỳ 6 tháng 1 lần (trừ trường hợp đột xuất).

Điều 11. Cơ quan thường trực của Ban chấp hành Trung ương Hội là Ban Thường vụ, gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số ủy viên, số lượng Ban Thường vụ không quá 1/3 tổng số ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội.

Ban Thường vụ Hội có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện các quyết định của Ban chấp hành Trung ương Hội giữa hai kỳ họp của Ban chấp hành.
- Lập kế hoạch, báo cáo hoạt động của Hội theo quy định của Ban chấp hành Trung ương Hội.
- Theo dõi hoạt động của các Hội cấp tỉnh và các Tiểu ban chuyên môn.
- Ban Thường vụ họp định kỳ 3 tháng 1 lần. Khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tịch và Tổng Thư ký, Ban Thường vụ có thể triệu tập họp bất thường.
- Quyết định các vấn đề về nhân sự của Hội.

Điều 12. Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên thường vụ, chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành Trung

ương Hội và Ban Thường vụ Hội, điều hành việc triển khai các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội và Ban Thường vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội.

Điều 13. Phó Chủ tịch do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động của Hội.

Điều 14. Tổng Thư ký do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động văn phòng Trung ương Hội.

Điều 15. Khi cần thiết, theo đề nghị của Tổng Thư ký Hội, Ban Thường vụ Hội có thể xem xét và quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội. Việc thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Ban kiểm tra:

Ban chấp hành bầu ra ban kiểm tra; Ban kiểm tra có nhiệm vụ:

- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội, điều lệ, quy chế và chương trình công tác hàng năm của Hội.
- Kiểm tra Hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh.
- Kiểm các hoạt động kinh tế, tài chính của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội; xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 17. Tổ chức, hội viên có nhiều thành tích được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 18. Tổ chức, hội viên làm tổn hại đến uy tín, thanh danh của Hội, làm trái với điều lệ,

ng nghị quyết của Hội thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp có gây thiệt hại về vật chất, ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo pháp luật.

Điều 19. Các tổ chức thành viên, cá nhân của Hội trong 1 năm không nộp hội phí hoặc không sinh hoạt 3 kỳ liên tiếp không có lý do, thì bị xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương V

TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Hội phải tự túc kinh phí hoạt động, quỹ Hội dựa trên các nguồn thu nhập sau đây:

1. Hội phí và lệ phí nhập Hội của hội viên.
2. Tiền thu nhập hợp pháp về các hoạt động khoa học kỹ thuật, xuất bản, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hợp đồng kinh tế, hợp tác với các cơ quan xí nghiệp trong nước, hợp tác với các tổ chức thú y và các tổ chức quốc tế khác.
3. Tiền ủng hộ của các cơ quan đoàn thể, các cá nhân trong nước, tiền ủng hộ của các tổ chức, các cá nhân nước ngoài, và các khoản thu khác.
4. Tiền hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam và Nhà nước.
5. Vốn góp cổ phần của hội viên và vốn vay Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Nguyên tắc quản lý tài chính của Hội là công khai, chi thu đúng quy định, chế độ tài chính của Nhà nước và quy định chung của Trung ương Hội.

Việc dự toán và quyết toán tài chính của các cấp Hội do Đại hội đại biểu các cấp thông qua và cấp trên trực tiếp phê duyệt theo chế độ kế toán của Nhà nước.

Nguyên tắc quản lý và điều hành về tài chính của Hội là hạch toán hoạt động cân bằng thu chi và kiểm kê hàng năm.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều lệ Hội Thú y Việt Nam gồm 6 Chương, 22 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội Thú y Việt Nam ngày 10 tháng 4 năm 2003 nhất trí thông qua.

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Hội.

Điều lệ Hội Thú y Việt Nam có hiệu lực thi hành khi được Bộ Nội vụ phê duyệt./.

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 45/2003/QĐ-BNV ngày 07/8/2003 về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển đã được Đại